

Số/No.: 15/2025/TB CBTT-ASP

Tp.HCM, ngày ... tháng 03 năm 2025

Ho Chi Minh City, March ... 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Name of organization: AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: **ASP**
- Địa chỉ/Address : Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh/ Room 805, 8th Floor, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan Phu Ward, District 7, Hochiminh City
- Điện thoại/Tel. : (84.28) 5413 6338 Fax: (84.28) 5413 6340
- E-mail : info@anphapetrol.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.
Audited Separate and Consolidated financial statements 2024 of An Pha Petroleum Group Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../03/2025 tại đường dẫn: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website on March ... 2025, as in the link: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2024/ Audited separate financial statements 2024.
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024/ Audited consolidated financial statements 2024.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information



**CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN
DẦU KHÍ AN PHA**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA, c=VN,
ou=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA,
email=info@anphapetrol.com
Date: 2025.03.11 11:48:48 +07'00'

TRẦN DUY LUÂN



Số: 44/2025_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC riêng năm 2024 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong năm 2024 của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, doanh thu giảm nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của năm 2024 tăng so với năm 2023 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu đã kiểm toán năm 2024	Số liệu đã kiểm toán năm 2023	Chênh lệch (VNĐ)
	1	2	3=1-2
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.195.653.416	91.160.205.507	(38.964.552.091)
2 Doanh thu hoạt động tài chính	17.176.069.774	18.355.820.847	(1.179.751.073)
3 Chi phí tài chính	11.829.644.494	137.154.126.473	(125.324.481.979)
4 Chi phí bán hàng	6.680.686.525	10.393.433.456	(3.712.746.931)
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.361.469.016	34.212.276.411	(8.850.807.395)
6 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.637.504.507	(72.153.559.986)	97.791.064.493
7 Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.637.504.507	(72.153.559.986)	97.791.064.493

1. Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp giảm 38.964.552.091 đồng nguyên nhân chủ yếu là sản lượng bán hàng và giá bán giảm làm doanh thu bán hàng và lãi gộp giảm so với cùng kỳ.
 - Doanh thu tài chính giảm 1.179.751.073 đồng nguyên nhân chủ yếu do thu nhập từ đầu tư tài chính giảm so với cùng kỳ.
 - Chi phí tài chính giảm 125.324.481.979 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí trích lập dự phòng rủi ro đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết giảm, đồng thời lãi suất ngân hàng giảm nên chi phí lãi vay giảm so với cùng kỳ.
 - Chi phí bán hàng giảm 3.712.746.931 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí thuê kho, chi phí bảo lãnh giảm so với cùng kỳ.
 - Chi phí quản lý giảm 8.850.807.395 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí lương, chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi và chi phí công tác hội nghị giảm so cùng kỳ.
- Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế của năm 2024 tăng 97.791.064.493 đồng so với năm 2023.

2. Vấn đề nhấn mạnh điều chỉnh hồi tố BCTC riêng công ty mẹ năm 2023

Do việc Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh, một Công ty con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty con trực tiếp là Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình, đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2023 do đánh giá lại giá trị dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty con, nhằm mục đích phản ánh và trình bày hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm trước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Bảng Cân đối kế toán riêng (tóm lược)

		Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	863.676.900.325	804.685.300.552	(58.991.599.773)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	720.054.254.246	661.062.654.473	(58.991.599.773)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(61.710.377.386)	(120.701.977.159)	(58.991.599.773)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.969.935.246.158	1.910.943.646.385	(58.991.599.773)
NỢ PHẢI TRẢ	300	1.499.065.589.812	1.497.708.283.759	(1.357.306.053)
Nợ ngắn hạn	310	1.433.489.339.812	1.432.132.033.759	(1.357.306.053)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.390.924.168	33.618.115	(1.357.306.053)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	470.869.656.346	413.235.362.626	(57.634.293.720)
Vốn chủ sở hữu	410	470.869.656.346	413.235.362.626	(57.634.293.720)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	95.734.358.130	38.100.064.410	(57.634.293.720)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(14.519.266.266)	(72.153.559.986)	(57.634.293.720)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.969.935.246.158	1.910.943.646.385	(58.991.599.773)

Báo cáo kết quả kinh doanh riêng (tóm lược)

		Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND
Chi phí tài chính	22	78.162.526.700	137.154.126.473	58.991.599.773
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(13.252.210.213)	(72.243.809.986)	(58.991.599.773)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(13.161.960.213)	(72.153.559.986)	(58.991.599.773)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.357.306.053	-	(1.357.306.053)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(14.519.266.266)	(72.153.559.986)	(57.634.293.720)

3. Gải trình số liệu chênh lệch trước và sau kiểm toán

Chỉ tiêu	Số liệu sau kiểm toán năm 2024	Số liệu trước kiểm toán năm 2024	Chênh lệch (VNĐ)
	1	2	3=1-2
1 Doanh thu hoạt động tài chính	17.176.069.774	17.175.494.432	575.342
2 Chi phí tài chính	11.829.644.494	13.387.339.428	(1.557.694.934)
3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.361.469.016	25.322.679.747	38.789.269
4 Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.637.504.507	24.117.958.434	1.519.546.073

Nguyên nhân:

- Doanh thu tài chính sau kiểm toán tăng 575.324 đồng nguyên nhân do điều chỉnh bổ sung lãi tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng Vietinbank.
- Chi phí tài chính sau kiểm toán giảm 1.557.694.934 đồng nguyên nhân do kiểm toán điều chỉnh tính lại chi phí trích lập dự phòng rủi ro đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết.
- Chi phí quản lý sau kiểm toán tăng 38.789.269 đồng nguyên nhân do kiểm toán điều chỉnh hạch toán bổ sung chi phí bảo lãnh ngân hàng.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế năm 2024 trên báo cáo sau kiểm toán điều chỉnh tăng 1.519.546.073 đồng so với báo cáo trước kiểm toán.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT.HCM
- Lưu VT, NQTCTY

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



SAKAMOTO SHINICHIRO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 và Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 03/7/2024) Thành viên (đến ngày 03/7/2024)
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Trần Minh Loan	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 29/8/2024)
Ông Hosokoji Yu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/8/2024)

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29/8/2024)
Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/8/2024)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/8/2024)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Kobayhashi Naoki	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 13/5/2024)
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11/5/2024)
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/5/2024)
Ông Trương Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh (Miễn nhiệm ngày 13/5/2024)
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/5/2024)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Sakamoto Shinichiro

Phó Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 46/2024/GUQ-ASP ngày 27/6/2024 của Tổng Giám đốc)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Số: 156/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 28/3/2025, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 7.4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số số liệu và thông tin so sánh của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Lê Thanh Tùng Lâm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Trình bày lại) VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		569.267.385.454	1.106.258.345.833
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	99.418.961.136	142.119.853.420
1. Tiền	111		39.418.961.136	142.119.853.420
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	200.000.000	70.200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		200.000.000	70.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		433.401.971.470	841.467.730.277
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	389.815.117.808	748.100.498.672
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.626.932.095	32.271.478.763
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	34.573.500.000	58.275.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	8.598.328.835	8.600.393.560
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(6.211.907.268)	(5.779.640.718)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	29.259.368.048	51.020.782.795
1. Hàng tồn kho	141		29.259.368.048	51.020.782.795
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.987.084.800	1.449.979.341
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	945.139.278	1.254.040.610
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.587.435.820	195.938.731
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	4.454.509.702	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		883.177.891.298	804.685.300.552
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		111.415.226.001	33.651.346.001
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	90.000.000.000	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	18.337.320.000	18.337.320.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	3.077.906.001	15.314.026.001
II. Tài sản cố định	220		16.708.936.181	14.434.754.006
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	16.734.255	372.960.247
- Nguyên giá	222		2.508.895.818	2.508.895.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.492.161.563)	(2.135.935.571)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	16.692.201.926	14.061.793.759
- Nguyên giá	228		27.363.837.578	19.301.309.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.671.635.652)	(5.239.515.819)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.015.150.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	-	3.015.150.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	680.144.947.196	661.062.654.473
1. Đầu tư vào công ty con	251		634.124.701.227	669.824.076.007
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.639.930.405	111.940.555.625
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(101.619.684.436)	(120.701.977.159)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		74.908.781.920	92.521.396.072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	74.908.781.920	92.521.396.072
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.452.445.276.752	1.910.943.646.385

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Trình bày lại) VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.013.572.409.619	1.497.708.283.759
I. Nợ ngắn hạn	310		1.006.162.619.619	1.432.132.033.759
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	405.729.143.420	743.130.983.404
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	833.706.241	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	949.194.075	33.618.115
4. Phải trả người lao động	314		324.680.845	322.226.724
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	977.906.064	1.457.795.824
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	16.245.403.721	17.531.556.393
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	581.083.711.345	669.636.979.391
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
II. Nợ dài hạn	330		7.409.790.000	65.576.250.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	7.409.790.000	65.576.250.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		438.872.867.133	413.235.362.626
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	438.872.867.133	413.235.362.626
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63.737.568.917	38.100.064.410
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.100.064.410	110.253.624.396
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.637.504.507	(72.153.559.986)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.452.445.276.752	1.910.943.646.385

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Lai Văn Tú

Kế toán trưởng



Lai Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Trình bày lại) VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.245.249.381.677	2.708.895.376.634
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	6.774.304.611
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	2.245.249.381.677	2.702.121.072.023
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.193.053.728.261	2.610.960.866.516
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		52.195.653.416	91.160.205.507
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.176.069.774	18.355.820.847
7. Chi phí tài chính	22	6.4	11.829.644.494	137.154.126.473
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.616.311.916	38.349.065.084
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	6.680.686.525	10.393.433.456
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	25.361.469.016	34.212.276.411
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		25.499.923.155	(72.243.809.986)
11. Thu nhập khác	31	6.7	137.581.352	90.250.000
12. Chi phí khác	32	6.7	-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	137.581.352	90.250.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		25.637.504.507	(72.153.559.986)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		25.637.504.507	(72.153.559.986)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Trình bày lại) VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		25.637.504.507	(72.153.559.986)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		5.788.345.825	3.582.215.571
- Các khoản dự phòng	03		(18.650.026.173)	97.947.065.622
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		168.080.000	(117.189.697)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.540.633.296)	(16.405.458.071)
- Chi phí lãi vay	06		24.616.311.916	38.349.065.084
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		24.019.582.779	51.202.138.523
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		323.232.736.110	(101.021.732.816)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.761.414.747	(21.333.790.273)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(333.460.406.334)	115.977.816.872
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		17.921.515.484	(3.047.676.336)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.096.201.676)	(39.684.804.009)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.646.838.232)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		28.378.641.110	(1.554.886.271)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.523.228.000)	(2.732.914.727)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.450.000.000)	(130.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		128.475.000.000	200.097.209.713
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(19.712.500.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.306.502.652	17.199.645.350
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		75.808.274.652	64.851.440.336

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2024
			(Trình bày lại)	
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.219.185.200.556	2.264.383.071.107
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.366.073.008.602)	(2.245.793.832.571)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(26.881.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(146.887.808.046)	18.562.357.406
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(42.700.892.284)	81.858.911.471
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		142.119.853.420	60.258.002.252
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối doái quy đổi ngoại tệ	61		-	2.939.697
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	99.418.961.136	142.119.853.420

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 và Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 11 người (tại ngày 01/01/2024 là 14 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được công bố tại Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,56%	98,56%	98,56%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (i)	Tổ 92, Lô 8 A 1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
4	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
5	Công ty TNHH Thương mại Vĩnh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	51,00%	51,00%	51,00%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia (ii)	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-DHG ngày 15/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (“Công ty Đức Hải”), Công ty Đức Hải đang thực hiện các thủ tục giải thể Công ty.
- (ii) Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Công ty TNHH MTV Minh Gia tạm ngưng hoạt động theo Thông báo số 156/2024/TB-MG ngày 26/11/2024. Đồng thời, Công ty đang làm các thủ tục cần thiết để thông báo cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh riêng.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Số năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý

04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh phát hành

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ bình gas

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)**

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	408.651.029	568.151.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.010.310.107	141.551.702.391
Các khoản tương đương tiền (i)	60.000.000.000	-
Tổng	99.418.961.136	142.119.853.420

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An, với lãi suất áp dụng là 4,2%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	200.000.000	200.000.000	70.200.000.000	70.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	200.000.000	200.000.000	70.200.000.000	70.200.000.000
Tổng	200.000.000	200.000.000	70.200.000.000	70.200.000.000

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất áp dụng là 4,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND) (Trình bày lại)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con								
Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	98,56%	98,56%	142.307.241.235	(i)	-	142.307.241.235	(i)	(4.082.206.349)
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	100,00%	100,00%	443.340.459.992	(i)	(68.217.768.768)	443.340.459.992	(i)	(85.745.009.097)
Công ty Cổ phần MT Gas (ii)			-		-	35.699.374.780	37.880.892.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (iii)	80,00%	80,00%	18.400.000.000	(i)	-	18.400.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	(i)	(19.598.000.000)	28.249.000.000	(i)	(19.598.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	51,00%	51,00%	1.828.000.000	(i)	(1.413.241.865)	1.828.000.000	(i)	-
Tổng			634.124.701.227		(89.229.010.633)	669.824.076.007		(109.425.215.446)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2024 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2024. Cụ thể, tại ngày 31/12/2024, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 7.500 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.345 cổ phiếu. Đồng thời, tại ngày 31/12/2024, Công ty Cổ phần MT Gas không còn là Công ty con của Công ty do tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty là 40,73% sau khi Công ty Cổ phần MT Gas thực hiện tăng vốn thông qua đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ-DHG ngày 15/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải ("Công ty Đức Hải"), Công ty Đức Hải đang thực hiện các thủ tục giải thể Công ty.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.3.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	389.815.117.808	748.100.498.672
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	137.657.597.002	133.924.543.706
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	63.549.971.953	258.046.867.677
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	22.916.343.615	53.736.393.628
Công ty Cổ phần MT Gas	2.937.402.086	41.758.210.595
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	7.528.303.493	44.663.787.190
Công ty TNHH Sopet Gas One	9.886.585.534	9.222.990.120
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	8.401.831.451	24.910.519.726
Công ty TNHH Hải Linh	9.111.152.900	8.188.096.600
Các đối tượng khác	127.825.929.774	173.649.089.430
b) Dài hạn	90.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	90.000.000.000	
Tổng	479.815.117.808	748.100.498.672

Trong đó,

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

389.480.379.769 613.674.169.292

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	-	24.995.000.000
Các đối tượng khác	847.291.377	1.496.838.045
Tổng	6.626.932.095	32.271.478.763

Trong đó,

Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

- 24.995.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	34.573.500.000	58.275.000.000
Ông Nguyễn Thế Giáp	-	2.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh (i)	13.648.500.000	47.400.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (ii)	475.000.000	4.275.000.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng (iii)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vi Na (iv)	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lông Be Ta Gas (v)	1.450.000.000	-
b) Dài hạn	18.337.320.000	18.337.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (vi)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (vii)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (viii)	8.217.320.000	8.217.320.000
Tổng	52.910.820.000	76.612.320.000

Trong đó,

**Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết
tại Thuyết minh số 7.3)**

48.910.820.000 70.012.320.000

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh vay theo Hợp đồng số 2602/2021/HĐCV/ASP-BM ngày 26/02/2021, lãi suất tiền vay là 3,4%/năm, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay: được gia hạn theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn ngày 26/02/2024, kéo dài đến hết ngày 25/02/2025.

(ii) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch.

(iii) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

(iv) Khoản cho Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vi Na vay theo Hợp đồng vay vốn số 0110/2024/HĐCV/ASP-HVGC ngày 01/10/2024. Lãi suất tiền vay là 8%/năm. Thời hạn vay: từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lông Be Ta Gas vay theo Hợp đồng số 0301/2023/HĐVV/ASP-BETA ngày 03/01/2024, số tiền vay là 1.450.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Khí Dầu mỏ Hóa Lông Be Ta Gas.

(vi) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(vii) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(viii) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6 Phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.598.328.835	-	8.600.393.560	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	574.859.190	-	1.690.421.417	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	-	-	1.807.833	-
Tạm ứng cho nhân viên	613.247.165	-	799.364.418	-
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	121.027.000	-	692.027.000	-
Ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	889.195.480	-	3.618.721.101	-
Ông Ngô Mạnh Hùng (iv)	6.000.000.000	-	-	-
Các khoản khác	-	-	1.398.051.791	-
b) Dài hạn	3.077.906.001	-	15.314.026.001	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	2.892.906.000	-	3.349.026.000	-
Ông Trần Quốc Bửu (iii)	185.000.001	-	1.185.000.001	-
Phải thu ủy thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa	-	-	4.780.000.000	-
Ông Ngô Mạnh Hùng (iv)	-	-	6.000.000.000	-
Tổng	11.676.234.836	-	23.914.419.561	-

Trong đó,

Phải thu khác từ các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

897.256.999

- 12.306.287.574

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

(iv) Công ty ủy quyền cho Ông Ngô Mạnh Hùng đại diện đầu tư vào dự án xây dựng kho chứa LPG tại Khu công nghiệp VSIP Nghệ An theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023. Thời gian ủy thác là 2 năm, kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày 21/12/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Nợ xấu

		31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Trả trước cho người bán		6.211.907.268	-	(6.211.907.268)		5.779.640.718	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Phương	Trên 3 năm	5.779.640.718	-	(5.779.640.718)	Trên 3 năm	5.779.640.718	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	432.266.550	-	(432.266.550)		-	-
Tổng		6.211.907.268	-	(6.211.907.268)		5.779.640.718	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	29.259.368.048	-	51.020.782.795	-
Tổng	29.259.368.048	-	51.020.782.795	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	945.139.278	1.254.040.610
Chi phí bảo lãnh phát hành	309.995.157	662.608.447
Chi phí sửa chữa	142.860.001	-
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	280.023.704	359.865.423
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	212.260.416	231.566.740
b) Dài hạn	74.908.781.920	92.521.396.072
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	71.535.268.571	85.450.676.063
Chi phí thuê	3.335.200.000	6.973.600.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	38.313.349	97.120.009
Tổng	75.853.921.198	93.775.436.682

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	2.508.895.818	2.508.895.818
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	2.508.895.818	2.508.895.818
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	2.135.935.571	2.135.935.571
Tăng trong năm	356.225.992	356.225.992
Khấu hao trong năm	356.225.992	356.225.992
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	2.492.161.563	2.492.161.563
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	372.960.247	372.960.247
Tại ngày 31/12/2024	16.734.255	16.734.255

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024: 2.473.923.091 VND (tại ngày 01/01/2024: 641.712.182 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	19.301.309.578	19.301.309.578
Tăng trong năm	8.062.528.000	8.062.528.000
Mua trong năm	5.047.378.000	5.047.378.000
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.015.150.000	3.015.150.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	27.363.837.578	27.363.837.578
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	5.239.515.819	5.239.515.819
Tăng trong năm	5.432.119.833	5.432.119.833
Khấu hao trong năm	5.432.119.833	5.432.119.833
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	10.671.635.652	10.671.635.652
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	14.061.793.759	14.061.793.759
Tại ngày 31/12/2024	16.692.201.926	16.692.201.926

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	-	3.015.150.000
Dự án Xây Dựng tập huấn và triển khai	-	3.015.150.000
Ứng dụng di động	-	
Tổng	-	3.015.150.000

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	291.565.147.848	291.565.147.848	590.787.961.237	590.787.961.237
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	-	-	100.266.415.888	100.266.415.888
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	55.289.415.005	55.289.415.005	-	-
Phải trả người bán khác	58.874.580.567	58.874.580.567	52.076.606.279	52.076.606.279
Tổng	405.729.143.420	405.729.143.420	743.130.983.404	743.130.983.404

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Innovation Precision Việt Nam	801.429.006	-
Đối tượng khác	32.277.235	-
Tổng	833.706.241	-

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024 (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	33.618.115	9.986.151.941	9.070.575.981	949.194.075
Thuế giá trị gia tăng	-	8.956.699.328	8.195.287.280	761.412.048
Thuế xuất, nhập khẩu	-	149.296.480	-	149.296.480
Thuế thu nhập cá nhân	33.618.115	505.075.733	500.208.301	38.485.547
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	371.080.400	371.080.400	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phải thu	-	-	4.454.509.702	4.454.509.702
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	4.454.509.702	4.454.509.702

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	977.906.064	1.457.795.824
Tổng	977.906.064	1.457.795.824

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.549.021	3.442.605
Cổ tức phải trả	885.420.764	885.420.764
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải (i)	15.139.169.928	15.092.864.789
Phải trả ngắn hạn khác	217.264.008	1.549.828.235
Tổng	16.245.403.721	17.531.556.393

Trong đó,

**Phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết
minh số 7.3)**

15.139.169.928 15.092.864.789

(i) Khoản tạm ứng về hoàn trả vốn đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	581.083.711.345	581.083.711.345	2.260.577.820.556	2.349.131.088.602	669.636.979.391	669.636.979.391
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	539.691.091.345	539.691.091.345	2.219.185.200.556	2.277.973.588.602	598.479.479.391	598.479.479.391
	194.930.512.303	194.930.512.303	815.027.666.237	820.714.473.827	200.617.319.893	200.617.319.893
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	61.033.446.048	61.033.446.048	775.636.027.766	976.818.271.858	262.215.690.140	262.215.690.140
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	283.727.132.994	283.727.132.994	628.521.506.553	480.440.842.917	135.646.469.358	135.646.469.358
Vay dài hạn đến hạn trả	41.392.620.000	41.392.620.000	41.392.620.000	71.157.500.000	71.157.500.000	71.157.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội	-	-		6.320.000.000	6.320.000.000	6.320.000.000
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)	5.110.200.000	5.110.200.000	5.110.200.000	9.750.000.000	9.750.000.000	9.750.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	36.282.420.000	36.282.420.000	36.282.420.000	55.087.500.000	55.087.500.000	55.087.500.000
b) Vay dài hạn	7.409.790.000	7.409.790.000	5.969.890.000	64.136.350.000	65.576.250.000	65.576.250.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội	-	-		19.020.000.000	19.020.000.000	19.020.000.000
Ngân hàng Resona Merchant BankAsia Limited (iv)	-	-	718.800.000	5.593.800.000	4.875.000.000	4.875.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	7.409.790.000	7.409.790.000	5.251.090.000	39.522.550.000	41.681.250.000	41.681.250.000
Tổng	588.493.501.345	588.493.501.345	2.266.547.710.556	2.413.267.438.602	735.213.229.391	735.213.229.391

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(i) Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ 2 này 01/3/2021:

Hạn mức tín dụng : Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh. Trong đó, tổng dư nợ các khoản vay không vượt quá 15.500.000 USD vào mọi thời điểm.

Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động

Lãi suất: : Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.

Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu : Ngày 28/02/2022. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.

Biện pháp bảo lãnh : Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

(ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/029/24 ngày 15/3/2024 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Hạn mức tín dụng : Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.

Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ vốn lưu động chung, tài trợ thương mại, và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác

Lãi suất: : 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng

Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2024 đến ngày 15/3/2025, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.

Biện pháp bảo đảm : khoản vay không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

Hạn mức tín dụng : 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ nhu cầu vốn lưu động của bên vay

Thời hạn rút vốn : Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;

Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn : Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

Biện pháp bảo đảm : Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng.

(iv) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.

Mục đích vay : Cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan

Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.

Phương thức trả nợ : Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.

Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (v) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 8.400.000 USD
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.
Ngày hoàn trả đầu tiên : 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

Số tiền cho vay : 2.900.000 USD
Ngày giải ngân : 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026
Ngày hoàn trả đầu tiên : 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	110.253.624.396	485.388.922.612
Lỗi trong năm trước (đã điều chỉnh hồi tố)	-	-	-	-	(72.153.559.986)	(72.153.559.986)
Số dư tại ngày 31/12/2023 (Trình bày lại)	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	38.100.064.410	413.235.362.626
Số dư tại ngày 01/01/2024 (Trình bày lại)	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	38.100.064.410	413.235.362.626
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	25.637.504.507	25.637.504.507
Số dư tại ngày 31/12/2024	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	63.737.568.917	438.872.867.133

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116
Tổng	306.228.116	306.228.116

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND	
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021
Tổng	1.300.000.000	1.300.000.000	

Công ty xóa nợ do các khoản công nợ phải thu đã quá hạn trên 03 năm, các biện pháp thu hồi nợ đã được áp dụng nhưng vẫn không thu hồi được nợ.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán LPG	2.215.797.964.245	2.687.010.055.533
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	13.545.913.800	13.426.573.800
Doanh thu cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	12.339.574.552	8.428.938.210
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	3.565.929.080	29.809.091
Tổng	2.245.249.381.677	2.708.895.376.634

Trong đó,

*Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết
minh số 7.3)*

1.367.052.483.824 1.945.434.569.886

Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại	-	6.774.304.611
Tổng	-	6.774.304.611

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán LPG	2.215.797.964.245	2.680.235.750.922
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	13.545.913.800	13.426.573.800
Doanh thu cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	12.339.574.552	8.428.938.210
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	3.565.929.080	29.809.091
Tổng	2.245.249.381.677	2.702.121.072.023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán LPG	2.166.344.708.308	2.590.891.494.885
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	13.915.407.492	13.071.699.125
Giá vốn cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	9.594.937.753	6.967.863.415
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	3.198.674.708	29.809.091
Tổng	2.193.053.728.261	2.610.960.866.516

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.190.940.425	15.205.458.071
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.349.692.871	1.200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.635.407.724	1.788.281.459
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	-	117.189.697
Doanh thu hoạt động tài chính khác	28.754	44.891.620
Tổng	17.176.069.774	18.355.820.847
Trong đó, <i>Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>5.531.288.250</i>	<i>6.655.735.465</i>

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Chi phí lãi vay	24.616.311.916	38.349.065.084
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(19.082.292.723)	92.167.424.904
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.127.545.301	6.637.636.485
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	168.080.000	-
Tổng	11.829.644.494	137.154.126.473

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	19.392.500	16.939.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	496.490.918
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	1.770.010.843	4.470.184.248
Chi phí bảo lãnh mua hàng	4.891.283.182	5.409.819.290
Tổng	6.680.686.525	10.393.433.456

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.927.814.413	6.808.951.464
Chi phí vật liệu quản lý	62.526.628	191.211.431
Chi phí đồ dùng văn phòng	164.760.701	100.389.712
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.788.345.825	3.582.215.571
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	432.266.550	5.779.640.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.761.299.389	5.977.747.967
Chi phí bằng tiền khác	6.220.455.510	11.768.119.548
Tổng	25.361.469.016	34.212.276.411

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý công cụ dụng cụ	27.200.000	90.250.000
Các khoản khác	110.381.352	-
Tổng	137.581.352	90.250.000
Chi phí khác		
Tổng	-	-
Lợi nhuận khác	137.581.352	90.250.000

*Trong đó,**Thu nhập khác với các bên liên quan (Chi tiết tại
Thuyết minh số 7.3)**- 71.250.000*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.637.504.507	(72.153.559.986)
Các khoản điều chỉnh tăng	4.093.037.024	40.398.971.955
Chi phí không được trừ	581.757.674	2.049.906.871
Chi phí lãi vay vượt mức khống chế theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	3.511.279.350	38.349.065.084
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.349.692.871)	(1.202.939.697)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.349.692.871)	(1.200.000.000)
Lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ (tiền, nợ phải thu) có gốc ngoại tệ cuối năm	-	(2.939.697)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	22.380.848.660	(32.957.527.728)
Lỗ được kết chuyển (i)	(22.380.848.660)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(32.957.527.728)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

- (i) Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các khoản lỗ tính thuế có thời hạn chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phụ thuộc sự kiểm tra, quyết toán của Cơ quan thuế quản lý, do vậy, số liệu này có thể khác số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng. Các khoản lỗ tính thuế dự kiến được chuyển vào thu nhập chịu thuế các năm tiếp theo như sau:

Năm phát sinh	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã kết chuyển	Số lỗ tính thuế còn được kết chuyển các năm sau	Tình trạng quyết toán của Cơ quan thuế
2023	32.957.527.728	(22.380.848.660)	10.576.679.068	Chưa quyết toán
Tổng	32.957.527.728	(22.380.848.660)	10.576.679.068	

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	227.287.329	291.601.143
Chi phí nhân công	5.927.814.413	6.808.951.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.788.345.825	3.582.215.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.441.985.914	17.678.255.747
Chi phí khác bằng tiền	6.652.722.060	11.772.119.548
Tổng	32.038.155.541	40.133.143.473

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 06/02/2025, Công ty thực hiện Công bố thông tin theo Thông báo số 05/2025/TB CBTT-ASP đến Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc phong tỏa tài sản đảm bảo trong tài khoản gửi tiết kiệm của Công ty với số tiền là 2.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nam Sài Gòn, để phục vụ cho việc khởi kiện của Công ty đối với Người quản lý cũ của Công ty liên quan đến việc điều hành quản lý.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang tiếp tục theo dõi và chưa nhận được kết luận cuối cùng của vụ kiện từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

7.2 Các cam kết**a. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Từ 01 năm trở xuống	6.307.426.000	6.459.336.000
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	5.299.662.000	10.848.208.000
Trên 05 năm	-	-
Tổng	11.607.088.000	17.307.544.000

b. Cam kết cho thuê hoạt động

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm cho thuê kho bãi. Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Từ 01 năm trở xuống	3.364.363.632	3.364.363.632
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	2.523.272.724	5.607.272.720
Trên 05 năm	-	-
Tổng	5.887.636.356	8.971.636.352

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp
3	Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp
4	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp
5	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết
6	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Công ty con trực tiếp
8	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
9	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
10	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
11	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
13	Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Công ty con của Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết
16	Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty con trực tiếp
17	Công ty TNHH Sopet Gas One	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
18	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Các khoản lương, tiền thưởng, thù lao, và các khoản thu nhập khác	3.133.093.801	3.348.886.430

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)*Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)*

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch (Đến ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch (Từ ngày 03/7/2024)	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 29/8/2024)	-	-
Ông Hosokoji Yu	Thành viên (Đến ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Đến ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Trần Minh Loan	Thành viên (Đến ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên (Từ ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên (Từ ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập (Từ ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập (Từ ngày 29/8/2024)	-	-
Tổng		-	-

Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (Đến ngày 29/8/2024)	-	-
Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch (Từ ngày 29/8/2024)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Đến ngày 29/6/2024)	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên (Từ ngày 29/6/2024)	-	-
Tổng		-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-ASP ngày 28/6/2024, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị là 0 VND, ngoại trừ thành viên Hội đồng Quản trị độc lập mới được bổ nhiệm. Tuy nhiên, trong năm 2024, Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc (Đến ngày 11/5/2024)	218.933.566	507.573.717
Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 13/5/2024)	538.384.763	-
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 20/5/2024)	-	-
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 20/5/2024)	644.480.585	
Ông Trần Duy Luân	Người phụ trách quản trị Công ty Giám đốc tài chính (Đến ngày 13/5/2024)	676.305.500	359.612.500
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán	497.015.329	613.990.171
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	557.974.058	483.260.792
Ông Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin (đến ngày 17/10/2023)		756.430.767
Ông Ngô Mạnh Hùng	Thư ký, người phụ trách quản trị Công ty (đến ngày 13/5/2024)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm cán bộ phụ trách kinh doanh	-	628.018.483
Tổng		3.133.093.801	3.348.886.430

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng			2.696.589.908	18.357.673.053
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	Phí gửi kho LPG, chi phí vận chuyển LPG	-	1.482.801.906
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Phí bảo hiểm	1.076.135.336	197.246.539
		Chi phí khác	1.620.454.572	4.125.624.608
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Mua vỏ chai LPG	-	12.552.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp	Mua đồ dùng văn phòng	25.600.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<u>Bán hàng</u>			1.367.052.483.824	1.945.434.569.886
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê bãi, vỏ chai	702.716.822.855	687.626.300.096
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê vỏ chai	135.840.474.288	391.231.740.830
Công ty Cổ Phần MT Gas	Công ty liên kết	Bán LPG, cho thuê nhà kho	87.150.879.450	143.813.263.127
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	53.087.266.258	54.934.807.830
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp	Bán LPG	38.371.465.905	41.082.273.123
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Bán LPG	3.180.151.802	4.730.187.720
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Bán LPG	183.269.664.306	210.654.872.920
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Bán LPG	74.645.895.379	118.383.018.571
Công ty TNHH Sopet Gas One	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị	Bán LPG	87.968.271.633	82.730.545.750
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Bán LPG	821.591.948	1.030.251.206
Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Bán LPG	(i)	184.809.805.816
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Bán LPG	(i)	24.407.502.897
<u>Giao dịch cho vay</u>			64.001.500.000	85.790.782.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Phản tiền gốc thu hồi	33.751.500.000	83.415.782.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Phản tiền gốc thu hồi	3.800.000.000	2.375.000.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Phản tiền gốc chỉ cho vay	1.450.000.000	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Phản tiền gốc chỉ cho vay	20.000.000.000	-
		Phản tiền gốc thu hồi	5.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<u>Doanh thu hoạt động tài chính</u>			5.531.288.250	6.655.735.465
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	2.388.177.439	5.079.495.122
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Lãi cho vay	255.516.162	376.240.343
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Lãi cho vay	100.109.586	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Lãi cho vay	402.191.780	-
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	2.385.293.283	1.200.000.000
<u>Thu nhập khác</u>			-	71.250.000
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Xuất bán vỏ chai LPG	-	71.250.000

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		389.480.379.769	613.674.169.292
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con trực tiếp	137.657.597.002	133.924.543.706
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp	153.549.971.953	258.046.867.677
Công ty Cổ Phần MT Gas	Công ty liên kết	2.937.402.086	41.758.210.595
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	1.548.166.984	2.236.971.257
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	30.017.648.777	28.892.655.888
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	33.956.979.087	49.642.042.138
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty liên kết	11.524.196.895	12.192.272.493
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	8.401.831.451	24.910.519.726
Công ty TNHH Sopet Gas One	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị	9.886.585.534	9.222.990.120
Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng	(i)	44.663.787.190
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	(i)	8.183.308.502
<u>Phải thu dài hạn của khách hàng</u>		90.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp	90.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
<u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u>		-	24.995.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	-	24.995.000.000
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>		897.256.999	12.306.287.574
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty liên kết	336.547.822	858.660.274
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	16.678.356	29.046.575
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	-	146.088.589
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	-	846.044.536
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	9.236.301	407.726.499
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể		3.618.721.101
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	400.000.000	400.000.000
Ông Ngô Mạnh Hùng	Thư ký, người phụ trách quản trị Công ty (đến ngày 13/5/2024)	(i)	6.000.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	134.794.520	-
<u>Phải thu về cho vay</u>		48.910.820.000	70.012.320.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty liên kết	13.648.500.000	47.400.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	475.000.000	4.275.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty con trực tiếp	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	8.217.320.000	8.217.320.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	1.450.000.000	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	15.000.000.000	-
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		62.172.338	-
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	62.172.338	-
<u>Phải trả khác</u>		15.139.169.928	15.092.864.789
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Công ty con trực tiếp	15.139.169.928	15.092.864.789

(i) Các tổ chức, cá nhân này không còn là bên liên quan của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT, ngoại trừ một số thông tin được đề cập dưới đây đã được điều chỉnh hồi tố.

Do việc Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh, một Công ty con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty con trực tiếp là Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình, đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu và thông tin so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số số liệu và thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 do đánh giá lại giá trị dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty con, nhằm mục đích phản ánh và trình bày hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm trước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu và thông tin so sánh như sau:

Bảng Cân đối kế toán riêng (tóm lược)

		Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Ghi chú
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	863.676.900.325	804.685.300.552	(58.991.599.773)	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	720.054.254.246	661.062.654.473	(58.991.599.773)	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(61.710.377.386)	(120.701.977.159)	(58.991.599.773)	(i)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.969.935.246.158	1.910.943.646.385	(58.991.599.773)	
NỢ PHẢI TRẢ	300	1.499.065.589.812	1.497.708.283.759	(1.357.306.053)	
Nợ ngắn hạn	310	1.433.489.339.812	1.432.132.033.759	(1.357.306.053)	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.390.924.168	33.618.115	(1.357.306.053)	(ii)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	470.869.656.346	413.235.362.626	(57.634.293.720)	
Vốn chủ sở hữu	410	470.869.656.346	413.235.362.626	(57.634.293.720)	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	95.734.358.130	38.100.064.410	(57.634.293.720)	
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(14.519.266.266)	(72.153.559.986)	(57.634.293.720)	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.969.935.246.158	1.910.943.646.385	(58.991.599.773)	

Báo cáo kết quả kinh doanh riêng (tóm lược)

		Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Ghi chú
Chi phí tài chính	22	78.162.526.700	137.154.126.473	58.991.599.773	(i)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(13.252.210.213)	(72.243.809.986)	(58.991.599.773)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(13.161.960.213)	(72.153.559.986)	(58.991.599.773)	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.357.306.053	-	(1.357.306.053)	(ii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(14.519.266.266)	(72.153.559.986)	(57.634.293.720)	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.4 Thông tin so sánh (Tiếp theo)**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tóm lược)**

		Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Ghi chú
Lợi nhuận trước thuế	01	(13.161.960.213)	(72.153.559.986)	(58.991.599.773)	
Điều chỉnh cho các khoản					
- Các khoản dự phòng	03	38.955.465.849	97.947.065.622	58.991.599.773	(i)

(i) Công ty điều chỉnh hồi tố khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn do đánh giá lại giá trị dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, một số thông tin trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 liên quan đến việc điều chỉnh hồi tố này đã được trình bày lại như sau:

Thuyết minh số 5.2 - Các khoản đầu tư tài chính

	01/01/2024 (Số đã báo cáo) Dự phòng VND	01/01/2024 (Số trình bày lại) Dự phòng VND	Chênh lệch Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con (tóm lược)			
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	(26.753.409.324)	(85.745.009.097)	(58.991.599.773)
Tổng	(61.710.377.386)	(120.701.977.159)	(58.991.599.773)

Thuyết minh số 6.4 - Chi phí tài chính

	Năm 2023 (Số đã báo cáo) VND	Năm 2023 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Chi phí tài chính (tóm lược)			
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	33.175.825.131	92.167.424.904	58.991.599.773
Tổng	78.162.526.700	137.154.126.473	58.991.599.773

(ii) Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị đến thuế thu nhập doanh nghiệp, một số thông tin trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 liên quan đến việc điều chỉnh hồi tố này đã được trình bày lại như sau:

Thuyết minh số 5.15 - Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2024 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2024 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.357.306.053	-	(1.357.306.053)
Tổng các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tóm lược)	1.390.924.168	33.618.115	(1.357.306.053)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.4 Thông tin so sánh (Tiếp theo)**Thuyết minh số 6.8 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 (Số đã báo cáo) VND	Năm 2023 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.161.960.213)	(72.153.559.986)	(58.991.599.773)
Các khoản điều chỉnh tăng (tóm lược)	21.151.430.173	40.398.971.955	19.247.541.782
Chi phí lãi vay vượt mức khống chế theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	19.101.523.302	23.143.607.013	4.042.083.711
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	6.786.530.263	(32.957.527.728)	(39.744.057.991)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	6.786.530.263	(32.957.527.728)	(39.744.057.991)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm	1.357.306.053	-	(1.357.306.053)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Lai Văn Tú

Kế toán trưởng



Lai Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



坂本 晋一郎

Sakamoto Shinichiro

